

Số: /QĐ-TTQT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân cấp thẩm quyền quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-SNNMT ngày 29/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng của các phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Khánh Hòa trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa (sau sắp xếp) trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Khánh Hòa và Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-SNNMT ngày 12/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQL ngày 31/7/2026 của Hội đồng quản lý Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa về việc thông qua

Quy chế chi tiêu nội bộ và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa gồm:

- Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa theo Phụ lục 01 kèm theo Quyết định.

- Máy móc, thiết bị chuyên dùng có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình và mức giá cao hơn theo Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 54/QĐ-TTQT ngày 14/10/2025 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng các phòng thuộc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT (báo cáo);
- Trang thông tin điện tử Sở (đăng tải);
- BGĐ TTQT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Đông Thị Quyên

PHỤ LỤC 01**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ NHIỆM VỤ ĐẶC THÙ CỦA TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTQT ngày tháng năm 2026)*

STT	Đơn vị/chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
1	Máy quang phổ tử ngoại, khả kiến (UV-VIS)	Bộ	4	
2	Máy sắc ký ion IC – 2 kênh	Bộ	2	
3	Máy sắc ký khí (GC/ECD) hoặc máy sắc ký khí khối phổ (GC/MS)	Bộ	2	
4	Máy quang phổ hồng ngoại chuyển hóa Fourier khối phổ (FTIR)	Bộ	2	
5	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Bộ	3	
6	Máy quang phổ phát xạ nguyên tử (ICP)	Bộ	2	
7	Thiết bị phân tích COD (bếp đun phá mẫu)	Cái	6	
8	Thiết bị phân tích BOD5 (chai BOD tiêu chuẩn, tủ ủ mẫu, máy sục khí ...)	Bộ	3	
9	Máy đo DO để bàn có cánh khuấy (có đầu đo cho phân tích BOD5)	Cái	4	
10	Bộ phân tích TSS	Bộ	5	
11	Thiết bị phân tích hàm lượng dầu trong nước tự động	Cái	2	
12	Máy cất nước 2 lần	Cái	4	
13	Bể siêu âm	Cái	4	
14	Bể điều nhiệt (đun cách thủy)	Cái	3	
15	Bộ vô cơ hóa mẫu bằng nguyên lý vi sóng	Cái	3	
16	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Cái	3	
17	Tủ lạnh đựng hóa chất (sử dụng liên tục)	Cái	8	
18	Tủ hút khí độc	Cái	8	
19	Bộ cất phenol	Cái	3	
20	Bộ cất Cyanua	Cái	3	
21	Bộ cất quay chân không	Cái	3	

STT	Đơn vị/chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
22	Bộ chiết Soxhlet	Cái	3	
23	Tủ sấy	Cái	6	
24	Máy ly tâm	Cái	3	
25	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4	
26	Máy lắc đứng và ngang	Cái	3	
27	Cân phân tích	Cái	6	
28	Cân kỹ thuật	Cái	4	
29	Lò nung	Cái	3	
30	Tủ lạnh bảo quản mẫu (sử dụng liên tục)	Cái	15	
31	Tủ lạnh âm sâu	Cái	3	
32	Tủ hút chân không	Cái	3	
33	Tủ cấy vi sinh	Cái	3	
34	Kính hiển vi	Cái	3	
35	Bộ đếm khuẩn lạc	Cái	3	
36	Tủ ấm vi sinh	Cái	6	
37	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	5	
38	Bộ dụng cụ làm phân tích vi sinh	Cái	3	
39	Máy pH để bàn	Cái	6	
40	Máy TDS/EC để bàn	Cái	4	
41	Bộ sinh khí Nito	Cái	3	
42	Bộ chiết pha rắn	Cái	3	
43	Máy phân tích TOC (điều khiển bằng PC)	Cái	3	
44	Máy trộn mẫu (lắc tròn)	Cái	3	
45	Máy nghiền mẫu	Cái	1	
46	Bộ chuẩn độ hiện số (Burret điện tử)	Cái	4	
47	Bộ phá mẫu Kjeldal	Cái	3	
48	Bộ chưng cất đạm Kjeldal	Cái	3	
49	Bộ chưng cất đạm Kjeldal bán tự động	Cái	3	
50	Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh	Cái	3	
51	Máy lắc ống nghiệm	Cái	3	
52	Bếp đun bình cầu	Cái	6	
53	Bàn thí nghiệm chuyên dụng	Cái	15	

STT	Đơn vị/chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
54	Bồn rửa dụng cụ	Cái	10	
55	Dispensor	Cái	2	
56	Bếp gia nhiệt PTN	Cái	4	
57	Pipette 1 kênh	Bộ	2	
58	Máy nén khí không dầu	Bộ	4	
59	Bộ tạo Hydrid và phân tích Hg	Bộ	4	
60	Thiết bị lấy mẫu khí lưu lượng thấp	cái	12	
61	Thiết bị lấy mẫu bụi thể tích lớn	cái	7	
62	Thiết bị lấy mẫu bụi PM10, PM2.5	bộ	3	
63	Thiết bị lấy mẫu khí thải và bụi ống khói	bộ	3	
64	Thiết bị đo độ ồn tích phân	cái	4	
65	Thiết bị đo độ ồn có phân tích dải tần	cái	2	
66	Bộ chuẩn ồn	cái	2	
67	Thiết bị đo độ rung tích phân	cái	4	
68	Thiết bị đo nhiệt độ, pH, thế oxy hóa khử hiện trường	cái	6	
69	Thiết bị đo độ dẫn điện, độ muối, TDS hiện trường	cái	4	
70	Thiết bị đo độ đục hiện trường	cái	3	
71	Thiết bị đo ôxy hòa tan (DO) hiện trường	cái	6	
72	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng	cái	4	
73	Thiết bị lấy mẫu bùn, trầm tích	cái	4	
74	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy	cái	4	
75	Máy định vị vệ tinh (GPS)	cái	5	
76	Mát phát điện	cái	4	
77	Thiết bị đo khí thải ống khói	cái	4	
78	Thiết bị lấy mẫu chất thải rắn	bộ	3	
79	Cân kỹ thuật hiện trường	cái	2	
80	Bộ dụng cụ lấy mẫu đất	bộ	2	
81	Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, động vật đáy)	bộ	3	
82	Máy hút âm	cái	2	
83	Thiết bị đo vi khí hậu	cái	5	
84	Thiết bị đo clo dư hiện trường	cái	3	

STT	Đơn vị/chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
85	Bộ bơm lấy mẫu nước dưới đất (Bơm nước giếng khoan)	bộ	4	
86	Thiết bị đo mực nước, nhiệt độ nước theo chiều sâu	cái	2	
87	Thiết bị đo ozone (O3) hiện trường	cái	3	
88	Thiết bị đo CO hiện trường	cái	3	
89	Bộ phụ kiện mở rộng dùng cho thiết bị lấy mẫu ống khói: lấy mẫu hơi axit, hơi kim loại, các hợp chất hữu cơ, bụi PM10, Dioxin/Furan	bộ	2	
90	Thiết bị dùng chung kết hợp lấy mẫu khí thải	bộ	2	
91	Thiết bị lấy mẫu HCL	cái	1	
92	Máy đo khí SO2 tự động	cái	1	
93	Máy đo khí CO tự động	cái	1	
94	Dụng cụ đo lưu lượng khí thải công nghiệp	cái	1	
95	Thiết bị thu mẫu bụi, thể tích lớn dạng đứng	cái	1	
96	Bộ lưu điện	cái	2	
97	Thiết bị đo TDS/EV hiện trường	cái	1	
98	Máy đo cường độ điện từ trường tần số thấp HI-3604	cái	1	
99	Thiết bị đo bụi tại ống khói	cái	1	
100	Máy đo nhiệt độ và độ ẩm	cái	2	
101	Lưới thu tảo	cái	2	
102	Máy đo clo dư và clo hòa tan	cái	2	
103	Bộ thiết bị đo môi trường lao động	cái	1	
104	Đầu lấy mẫu bằng thép không gỉ	cái	1	

PHỤ LỤC 02**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CÓ YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG, DUNG LƯỢNG, CẤU HÌNH VÀ MỨC GIÁ CAO HƠN***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTQT ngày tháng năm 2026)*

STT	Chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn cấu hình cao - Cấu hình tối thiểu: CPU: Core i7(thế hệ từ năm 2022 về sau); RAM: 16 - 32GB - DDR4; SSD: 500 GB SATA; HDD: 2TB; Card đồ họa: 4GB; Cổng kết nối: USB 3.0,USB Type C; LAN 01Gbps; Cổng xuất hình: 1 x HDMI, 1 x VGA/D-sub	Bộ	2	Tổng hợp, xử lý số liệu quan trắc môi trường (số liệu quan trắc định kỳ, số liệu trạm quan trắc tự động) và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường	
2	Máy scan chuyên dụng	Cái	1	- Phục vụ công tác số hóa hồ sơ lưu trữ với số lượng lớn. - Quét hàng loạt tài liệu 2 mặt tốc độ cao, tự động cuộn giấy liên tục. - Scan được khổ giấy từ A5 – A0	